

Bản án số: 73/2026/HS-PT.

Ngày: 27/01/2026.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phù Quốc Tuấn.

Các Thẩm phán: 1/ Ông Phạm Công Toại.

2/ Bà Mai Trần Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026, tại Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 704/2025/TLPT-HS ngày 11 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo Lưu Văn N và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 132/2025/HS-ST ngày 30 tháng 09 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lưu Văn N, sinh ngày 01/01/1971 tại Cà Mau (trước đây là tỉnh Bạc Liêu); CCCD số: 095071003226; nơi thường trú: Ấp K, xã H, tỉnh C (trước đây là xã L, huyện H, tỉnh B); nơi cư trú trước khi bị bắt: 39 đường T, phường T1 (trước đây là Phường X, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn B và bà Thị S; có vợ tên Nguyễn Ngọc An B và 02 người con; con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2003.

Nhân thân, tiền án, tiền sự: không.

Tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2025 cho đến nay.

2. Nguyễn Ngọc An B, sinh ngày 30/8/1983 tại Thành phố Hồ Chí Minh; CCCD số: 079183010326; nơi thường trú: 222/6 đường V, phường B (trước đây là phường L, Quận A), Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú trước khi bị bắt: 39 đường T, phường T1 (trước đây là Phường X, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị U; có chồng tên Lưu Văn N và 02 người con; con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2003.

Nhân thân, tiền án, tiền sự: không.

Tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2025 cho đến nay.

3. Võ Thị L1, sinh ngày 15/5/1967 tại tỉnh Hà Tĩnh; CCCD số: 042167004630; nơi thường trú: thôn T2, phường T3 (trước đây là phường H, Thành phố H1), tỉnh H1; nơi cư trú trước khi bị bắt: 293/7 đường U, phường T1 (trước đây là Phường X, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Công A và bà Võ Thị S; có 01 con sinh năm 1998.

Nhân thân, tiền án, tiền sự: không.

Tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2025 cho đến nay.

4. Võ Thị L2, sinh ngày 05/3/1966 tại tỉnh Hà Tĩnh; CCCD số: 042166010359; nơi thường trú: ấp X, xã L (trước đây là xã A, huyện L), tỉnh Đ; nơi cư trú trước khi bị bắt: 289/12 đường U, phường T1 (trước đây là Phường X, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Công A và bà Võ Thị S; có chồng tên Nguyễn Hùng C và 02 người con; con lớn sinh năm 1999 và con nhỏ sinh năm 2003.

Nhân thân, tiền án, tiền sự: không.

Tạm giữ, tạm giam từ ngày: 15/5/2025 cho đến nay.

5. Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 07/12/1998 tại Thành phố Hồ Chí Minh; CCCD số: 042198012738; nơi thường trú: 29/46A đường H, phường G (trước đây là Phường B1, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: 293/7 đường U, phường T1 (trước đây là Phường X, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn X và bà Võ Thị L1; chưa có chồng con.

Nhân thân, tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/5/2025 cho đến nay.

(các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- *Người bào chữa*: ông Lê Huỳnh Đ là Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Hằng luật Quốc tế D, Chi nhánh D1 – Đoàn Luật sư tỉnh Đ bào chữa cho bị cáo Lưu Văn N và Nguyễn Ngọc An B.

(có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 50 phút ngày 07/5/2025, Nguyễn Ngọc An B bán cháo vịt trên vỉa hè trước chung cư K tại địa chỉ 86 Đường T, phường T1 (trước đây là Phường X, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh. Võ Thị L1 và Võ Thị L2 bán hủ tiếu gõ trên vỉa hè tại địa chỉ 133 Đường T, phường T1 (trước đây là Phường X, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh. Võ Thị L1, Võ Thị L2 có đem đồ buôn bán qua để bên khu vực nơi Nguyễn Ngọc An B bán. Lúc này chồng của B là Lưu Văn N có nói với L2 về việc không được để đồ bán trước chung cư thì L2 nói “Tao thích để đó làm gì được tao”. Bực tức N liền đi lên vỉa hè dùng tay hất đồ của L1 dẫn đến 02 bên cự cãi nhau. Lúc này, L2 dùng tay xô N ra thì Nguyễn Thị Kim D (con gái L1), L1 và bà B cùng đi tới. L2 cầm 01 nắp nồi bằng kim loại sáng đánh 01 cái về phía N, còn B dùng tay chỉ vào mặt L2 và xô L2 ra. Sau đó, L2 cầm nắp nồi đánh 01 cái về phía B, hai bên xô xát. Còn D dùng tay không đánh nhau. B và D lao vào cầm tay nhau giằng co thì L1 cầm 01 ghế nhựa màu đỏ đánh về phía tay B 03 cái. Sau đó, N cầm 01 ghế nhựa màu đỏ ném trúng vào vùng đầu L1 làm ghế đỏ bay xuống lòng đường. Lúc này, B, L1 và D lao vào xô xát và nắm tóc nhau khiến cả ba ngã xuống đường. L2 thấy vậy cũng lao vào đánh nhau và ngã xuống đường. Tiếp đó, L1 dùng miệng cắn vào tay phải của B. Lúc này, N dùng tay nắm tóc L1 và dùng tay đánh vào vùng cổ L1 nhiều cái. Lúc này, L2 còn đang ngồi dưới đất thì bị B cầm 01 ghế nhựa đánh về phía L2. Sau khi được người dân đi đường can ngăn thì sự việc dừng lại.

Sau khi sự việc xảy ra, B đến Công an Phường X, quận B (nay là Phường T1), Thành phố Hồ Chí Minh trình báo. Công an Phường X, quận B đã triệu tập những người liên quan đến trụ sở làm việc và xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Ngày 09/5/2025, Ủy ban nhân dân phường T1 (trước đây là Phường X, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh đã có công văn số 157/BC-UBND xác định vụ việc xảy ra đánh nhau có nhiều đối tượng tham gia (05 người) tại nơi công cộng có nhiều người chứng kiến, thời điểm xảy ra vụ việc có nhiều phương tiện đang lưu thông trên tuyến đường Đường T gây hoang mang dư luận, ảnh hưởng đến an ninh trật tự địa phương trên địa bàn. Do đó, Ủy ban nhân dân phường T1 (trước đây là Phường X, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị Cơ quan điều tra xử lý các đối tượng theo quy định pháp luật.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 132/2025/HS-ST ngày 30 tháng 09 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025:

Xử phạt bị cáo Lưu Văn N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/5/2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc An B 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/5/2025.

Xử phạt bị cáo Võ Thị L1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/5/2025.

Xử phạt bị cáo Võ Thị L2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/5/2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim D 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/10/2025 bị cáo L1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo D kháng cáo xin được hưởng án cải tạo không giam giữ. Ngày 02/10/2025, các bị cáo B, N kháng cáo xin được hưởng án treo và bị cáo L2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo điểm b, khoản 2, Điều 318 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025 là đúng người, đúng tội.

Bị cáo B có xác nhận là lao động chính trong gia đình, gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, 65 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025 xử phạt bị cáo N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Bị cáo D là đồng phạm nhưng giữ vai trò thứ yếu và gia đình bị cáo là người có công với Cách mạng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, 65 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025 xử phạt bị cáo D 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Đồng thời đề nghị y án sơ thẩm đối với các bị cáo còn lại.

- Người bào chữa cho các bị cáo N, B trình bày mức án tại bản án sơ thẩm là quá nặng vì: thiệt hại không lớn; các bị cáo có trình độ học vấn thấp nên không am hiểu quy định pháp luật; hành vi phạm tội của các bị cáo là bộc phát, tức thời; bị cáo N và B có xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính, đang nuôi cha già; ngoài ra bị cáo B còn là người chủ động tố giác hành vi phạm tội. Do bị cáo N và B có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án tù treo để tạo điều kiện cho các bị cáo chăm sóc, nuôi dưỡng cha già.

- Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của các bị cáo được gửi trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định của pháp luật nên kháng cáo là hợp lệ và được chấp nhận xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vào khoảng 19 giờ 50 phút ngày 07/5/2025, do mâu thuẫn trong việc buôn bán trên vỉa hè nên các bị cáo N, B đã đánh nhau với các bị cáo L1, L2, D gây mất trật tự công cộng tại địa phương theo như Công văn số 157/BC-UBND ngày 09/5/2025 của Ủy ban nhân dân phường T1 (trước đây là Phường X, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định.

Trong đó, các bị cáo N, B, L1 đã sử dụng ghế nhựa, bị cáo L2 đã sử dụng nắp nồi bằng kim loại để đánh nhau, còn bị cáo D giúp sức cho các bị cáo L1, L2 dùng tay không để tham gia đánh nhau. Việc các bị cáo sử dụng ghế nhựa, nắp nồi bằng kim loại để đánh nhau là thuộc trường hợp công cụ, phương tiện nguy hiểm, có thể gây thương tích nhất định khi tác động lên cơ thể con người. Do vậy, Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử các bị cáo về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 là có cơ sở, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy đơn kháng cáo của các bị cáo còn trong thời hạn luật định là hợp lệ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và có nhân thân tốt nên áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 là có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo N, B đã nộp đơn trình bày gia đình có hoàn cảnh khó khăn, cả hai bị cáo là lao động chính, đang nuôi cha già, bệnh nặng do Ủy ban nhân dân phường T1 xác nhận; bị cáo N còn có nhiều bệnh nền, khiếm khuyết về thính giác. Các bị cáo L1, L2, D đã nộp Huân chương Kháng chiến hạng III của ông Võ Công An (là cha của bị cáo L1, L2 và là ông ngoại của bị cáo D). Ngoài ra, bị cáo D còn nộp xác nhận là lao động chính trong gia đình. Các tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025 nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo và xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Xét yêu cầu xin được hưởng án treo của các bị cáo: Hội đồng xét xử thấy rằng khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không nhận thức được hành vi của mình nên đã bộc phát hành vi vi phạm pháp luật, đến nay các bị cáo đã thực sự ăn năn hối cải. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, không thuộc trường hợp không được hưởng án treo theo Nghị quyết 01/2022/NQ-

HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù và cho các bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025 cũng đủ để các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở thành công dân tốt và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Do đó, xét kháng cáo của bị cáo là có cơ sở nên chấp nhận và cần sửa bản án sơ thẩm theo nhận định trên.

Xét các bị cáo N, B, L1, L2 được hưởng án treo nên trả tự do cho các bị cáo ngay tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội khác.

[4] Như đã phân tích, xét đề nghị của luật sư Lưu Huỳnh Đức là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Như đã phân tích, xét đề nghị của đại diện của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là chưa tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo N, L1, L2 nên chấp nhận một phần đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[6] Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải nộp án phí phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2021, năm 2025:

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lưu Văn N, Nguyễn Ngọc An B, Võ Thị L1, Võ Thị L2. Nguyễn Thị Kim D: Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 132/2025/HS-ST ngày 30 tháng 09 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025:

- Xử phạt bị cáo Lưu Văn N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lưu Văn N cho Ủy ban nhân dân phường T1, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc An B 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc An B cho Ủy ban nhân dân phường T1, Thành phố

Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Võ Thị L1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Võ Thị L1 cho Ủy ban nhân dân phường T1, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Võ Thị L2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Võ Thị L2 cho Ủy ban nhân dân phường T1, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho các bị cáo Lưu Văn N, Nguyễn Ngọc An B, Võ Thị L1, Võ Thị L2 nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội khác.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim D 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Kim D cho Ủy ban nhân dân phường T1, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM; (1)
- Viện Phúc thẩm VKSNDTC tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM; (3)
- CQ THAHS CA.TP.HCM; (1)
- CQCSĐT – CA.TP.HCM; (1)
- Phòng PV06 – CA.TP.HCM; (1)
- VKSND khu vực 5; (1)
- TAND khu vực 5; (1)
- THADS TP.HCM; (1)
- Phòng THADS khu vực 5; (1)
- Bị cáo; (5)
- Ủy ban nơi bị cáo cư trú; (1)
- Trại tạm giam; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (12)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phù Quốc Tuấn

